

## Chương ba

---

### CUỘC ĐỜI CỦA ÔNG NGÔ VĂN CHIÊU TRƯỚC KHI GẶP ĐẠO

#### 3.1 THỜI KỲ THƠ ẤU

Dưới triều Tự Đức, trước Hòa ước 1884, Pháp buộc triều đình Huế công nhận Việt Nam thuộc quyền bảo hộ của Pháp, tình trạng cả nước trở nên hỗn độn, giặc giã nổi lên khắp nơi. Ở ngoài Bắc có giặc Tam đường (1851), giặc Châu chấu (1854), giặc Tạ văn Phụng (1861); ở triều đình thì có giặc Đoàn Trưng, Đoàn Trục mưu việc phản nghịch (1866); trong Nam, sau chén thuốc độc tuần tiết của cụ Phan thanh Giản năm 1867, một phần lãnh thổ Việt Nam đã bị Pháp chiếm.

Trong một tình trạng quốc gia nghiêng ngửa như thế, gia đình một viên quan Thị Lang họ Ngô ở triều đình Huế đã phải di cư vào Nam (*hiện nay con cháu không rõ vào khoảng năm nào*), nhưng chắc là một trong những cuộc chạy loạn đã đưa họ đến đây.

Quan Thị Lang có hai người con: ông Ngô văn Xuân và bà Ngô thị Đây. Ông Xuân đã kết hôn với bà Lâm thị Quý, người Bình Tây, Chợ Lớn. Lúc bấy

## *Đông Tân*

giờ gia đình sa sút, ông phải đi làm công độ nhật. Bà là công nhân nhà máy gạo ở Bình Tây.

Khoảng năm 1875, ông bà tạo lập một căn nhà nhỏ ở khu Hòa Hưng, địa phận tỉnh Gia Định. Cuộc sống tần tảo tuy thế vẫn đem lại ấm cúng trong gia đình.

Ngày mồng 7 tháng Giêng năm Mậu Dần (28/2/1878), bà sinh hạ được người con đầu lòng mà cũng là con độc nhất, đặt tên là Ngô văn Chiêu<sup>3.1</sup>. Cậu bé Chiêu sinh tại quê ngoại ở Bình Tây trong một căn nhà lá nhỏ bé, chung quanh toàn là ruộng rạch. Vì quang cảnh đã đổi khác xưa nhiều, nên không còn một dấu tích nào của ngôi nhà đặc biệt này. Tuy nhiên, trước căn nhà này có ngôi chùa Quan Thánh, dựng lên từ năm Quý Dậu (1873) và hiện nay vẫn còn nguyên tại số 242 đường Lê quang Liêm, Chợ Lớn.

Nếu đức Moise nằm trong một cái giỏ ở bờ sông Nil để trốn nạn xâm lăng của đế quốc Ai Cập (*đức Moise là người Do Thái*), trước khi được bàn tay công chúa xứ ấy cứu vớt để sau này trở nên đấng Cứu Thế, và nếu trong cuộc thiên di mà Thánh Mẫu Maria đã sanh hạ đức Jésus trong máng cỏ ở xứ Juda, thì sự chào đời của đức Ngô văn Chiêu trong căn nhà lá bé nhỏ như thế tưởng cũng không lấy gì làm lạ.

Đối với sự xuất thân nghèo nàn này, ông Chiêu thường nói với con cái: "*Hễ Tiên Phật mà xuống trần thường hay sinh vào nhà nghèo mới dễ tu*". Ta thử tưởng tượng cái cảnh hẩm hiu của một gia đình trong đó cha mẹ không hề được rảnh tay với những nghề cần lao vất vả trong mái nhà lụp xụp thì sẽ thấy tình cảnh con cái họ như thế nào. Tuy nhiên, sự cùng cực như thế cũng bao hàm một ý nghĩa trong sạch thanh bần nhất là trong một hoàn cảnh quốc gia nghiêng ngửa mà những kẻ thiếu lương tâm có thể trở thành giàu sang danh vọng dễ dàng.

Cậu bé Chiêu mới sinh không chịu bú sữa, sau đó hễ bú vào là nôn mửa ra sừng cả mình mẩy, phải cho uống nước cơm rồi lần lần cho ăn cháo và cơm. Vì thế thân mẫu cậu thường dư sữa. Vốn là công nhân nhà máy gạo, bà được gia nhân ông chủ mua số sữa của bà cho ông ta dùng để dưỡng bệnh. Cũng nhờ số tiền bán sữa ấy mà bà được thêm ít vốn nuôi con. Nhưng ai có biết được cậu bé nghèo nàn kia đã bầm thụ một đạo lý siêu phàm! Mới năm tuổi mà cậu đã phân biệt được điều lành, điều ác. Nhân trong xóm có người con ham chơi hay đánh mắng cha mẹ, cậu bé Chiêu chỉ vào người ấy và bảo "*Làm như thế là có tội*". Những chuyện gì về nhân quả đạo đức, cậu Chiêu nhớ lâu lắm. Tuy mới sáu tuổi đầu, cậu cũng có thể đi xe lửa một mình từ Sài Gòn xuống nhà người cô ở Mỹ Tho.<sup>3.2</sup>

---

3.1 Danh đạo khi làm quan phủ là Ngô Minh Chiêu.

3.2, 3.3 Thuật theo lời cô Ngô thị Nguyệt, con gái thứ năm của Quan phủ Chiêu.

## *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

Cậu bé Chiêu có người cô ruột là Ngô thị Đây, chồng bà là khách trú bán thuốc Bắc ở Mỹ Tho kể cũng khá giả (*nay không còn ai nói dối hết*). Năm cậu được bảy tuổi, ông bà thân sinh cậu phải theo chủ nhà máy ra Hà Nội, cậu phải ở lại với bà cô tại đây. Thế là cậu phải xa thân sinh khi tuổi còn ấu thơ.

Thân mẫu cậu ở Hà Nội thương nhớ con mà biệt vô âm tín vì lúc bấy giờ đường sá cách trở, giặc giã chưa yên, bà mới khẩn cùng Trời Phật rằng: "*Hết con tôi còn thì xin cho còn sữa, con tôi chết thì tôi hết sữa*". Quả nhiên, bà cụ mãi khi trở về Sài Gòn dù không sinh nở cũng không hết sữa.<sup>3.3</sup>

Nhìn vào lịch sử Việt Nam lúc bấy giờ, ta cũng hình dung được nếp sống của song thân cậu Chiêu ở Hà Nội. Hiệp ước vong quốc Patenôtre 1884 xác nhận quyền bảo hộ của Pháp trên toàn lãnh thổ. Đất nước bị chia thành ba kỳ chịu những chế độ cai trị khác nhau. Một mặt người Pháp lộng quyền gây hỗn loạn trong triều đình Huế, một mặt họ đàn áp những cuộc khởi nghĩa gây nhiều tang tóc đau thương. Bức tranh xã hội phơi bày một nếp sống đầy bi thảm cho một dân tộc đã gần năm nghìn năm văn hiến!

### **3.2 THỜI KỲ HỌC SINH**

Khi người Pháp đặt nền cai trị ở Nam kỳ, sĩ phu trong xứ chia làm hai phe: một phe hợp tác với Pháp (*tiêu biểu là Tôn thọ Tường*), một phe bất hợp tác (*tiêu biểu là Phan văn Trị*). Do đó có hai luồng tư tưởng chống đối nhau bực lộ trong văn chương qua những bài thơ xướng họa đương thời.

Trong thời buổi ấy, tỉnh Mỹ Tho là một thị trấn quân sự quan trọng của Pháp, nên số người ra giúp việc cho Pháp cũng không ít. Cậu bé Chiêu ở nhà người cô bắt đầu vào trường tiểu học Mỹ Tho lúc mười tuổi. Cũng như hầu hết các trẻ thơ, cậu thường hay đi chơi với trẻ nít lối xóm. Một hôm gặp bọn đánh xe ngựa rao bảng hát, cậu chạy theo ngồi trên xe đánh trống chơi. Bọn chúng bảo: "*Học làm chi, thông ngôn ký lục đầy đường sau này không có chỗ làm, ở nhà đi như vầy sướng hơn, học mệt, cực khổ*".

Ban đầu, cậu bé nghe theo, đi chơi với bọn ấy hai ba hôm mới về. Khi về bị cô rầy la không cho ăn cơm, cậu bé khóc suốt mấy đêm không ngủ, đến ngày hôm sau vẫn còn tức tưởi. Người dượng bảo: "*Người anh hùng không khóc*" rồi cho tiền mua thức ăn. Đêm hôm ấy, cậu nằm nghĩ lại rồi cảm biết hoàn cảnh đơn độc của mình, tự nhủ sau này trên bước mưu sinh *tre tàn măng mọc* lẽ nào không có chỗ làm. Từ đó, cậu bé Chiêu lại chăm chỉ học tập không đi chơi nữa.

Cái cảnh sống chung với ông dượng hiền từ ấy đã tạo cho cậu bé một ý niệm, cái ý niệm sùng thượng Thánh Thần đã sớm nở trong đầu óc cậu bé mà

## *Đồng Tân*

ảnh hưởng đã có một tác dụng mãnh liệt đến tuổi trưởng thành. Tuy còn ngày thơ cấp sách đến trường nhưng khi về nhà, với số tiền của người dựng cho, cậu bé Chiêu sắm một cái kệ nhỏ thờ đức Quan Thánh. Hằng ngày, sau khi học bài và trước khi đi ngủ, cậu thắp hương cúng vái và tụng kinh Quan Thánh. Có lẽ tuổi thiếu niên vắng tình thương cha mẹ, cậu bé đã cảm biết một sự đau thương hiu quạnh đang bám víu lấy thân mình mà bước đường tương lai không biết sẽ về đâu!

Giữa bao nỗi sầu tư xao xuyến ấy, cậu đã không tìm đâu ra một an ủi. Quanh mình chỉ có một bà cô là người đỡ đầu nhưng lại hay rầy la, ông dựng thì dù sao cũng không xoa dịu nỗi cô độc, cậu chỉ còn tìm sự an ủi nơi cõi vô hình.

Thật vậy, trong những bài kinh Quan Thánh có hai đoạn cậu Chiêu thích nhất mà sau này còn thường tụng niệm và nhắc lại để khuyên nhủ con cái:

*"Rất ghét đàn bà lòng lang độc dữ, xúi giục chồng bỏ nghĩa anh em, khéo dối bà con, xúi chồng bất hiếu, mắng nhiếc cha mẹ chồng, làm cho ta thấy mà sanh giận. Súc giận của ta muốn huơ dao mổ bụng, chém rã mẹ con làm hai.<sup>3.4</sup> Còn kẻ có lòng hiếu thảo, mai chiếu lo cung cấp mẹ cha, ta rất vui mừng..."*

*... Lập chí như đồng, sắt đá chẳng hề sờn, làm quan giữ lộc mình, đừng vì tư ý hại người, lợi mình, tội tình con cháu đồng mang.*

*Lương bổng đủ dùng lo việc phải, đủ ăn tiêu hàng bữa chớ cầu sang.*

*Đồ vật vô nghi quấy trăm gánh, đồng tiền ám muội chứa đầy rương, sau cũng chẳng bền..."*

Chính những câu này đã ảnh hưởng rất nhiều trong cuộc đời cậu sau này, và đã tạo cho cậu một tương lai miên viễn còn để lại những gương tốt cho hậu thế.

Với một thiên tư kỳ lạ, cậu Chiêu học rất giỏi, thích vẽ và hay vẽ truyền thần, cậu cũng biết làm thơ nhưng không ưa ca nhạc mấy. Năm mười hai tuổi, cậu đánh bạo đến nhà ông Đốc phủ Sùng ở Mỹ Tho vốn quen với phụ thân cậu để nhờ hướng dẫn đơn xin vào nội trú trường trung học Le Myre de Villers (*Collège Le Myre de Villers sau này gọi là trung học Nguyễn đình Chiểu*) tại Mỹ Tho.

Cậu được nhận vào nội trú tại trường trung học Mỹ Tho với điều kiện cam kết làm việc cho chính phủ. Học hết các lớp tại đây, cậu được chuyển lên học tiếp tục tại Lycée Chasseloup Laubat cho đến khi đỗ bằng Diplôme d'Études Primaires Supérieures (*bằng Trung học Pháp, còn gọi là bằng Thành chung*).

---

3.4 Dẫn tích Ngươn Thị đời Tống đuổi đánh mẹ chồng, khi ngang qua đền Quan Thánh bị chém đứt làm hai.

## *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

Trong thời kỳ này, cậu đã kết giao với nhiều bạn học mà thân thiết nhất là ông Trần Lợi, sau này làm thư ký quận Phú Quốc, và ông Lễ, về sau làm thư ký Tòa bố Mỹ Tho.

Ngày ông Lễ mất tại Mỹ Tho, ông Chiêu còn chưa tu, nhưng một sự lạ là khi ông đến viếng thì tất cả các cây nến trên quan tài đều ngã xuống một lượt. Mọi người không hiểu tại sao.

### **3.3 THỜI KỲ TRÁNG NIÊN**

#### **Làm thư ký sở Tân đảo Sài Gòn - Lập gia đình**

Ngày 23 tháng 3 năm 1899, sau khi đỗ bằng Thành chung (*bằng Trung học Pháp*), ông Ngô văn Chiêu được bổ làm việc ở sở Tân đảo Sài Gòn. Lúc bấy giờ, song thân ông mới ở Hà Nội về không đi làm công như trước nữa mà cùng ở với ông tại một căn phố vườn ở hẻm Chaigneau. Là con một, lại sẵn lòng hiếu kính đáng từ thân, ông không còn nghĩ gì hơn là sinh nhai để phụng dưỡng cha mẹ.

Cảnh gia đình đoàn tụ ấm cúng không bao lâu thì phụ thân ông qua đời, chỉ còn lại bà mẹ góa bụa. Ngày 1 tháng 1 năm 1903, ông được đổi về làm việc tại Soái phủ Sài Gòn. Toàn quyền Đông Pháp lúc bấy giờ là ông Beau. Trong thời kỳ này, ông Đốc phủ Sùng, ân nhân của ông ngày trước muốn gả con gái cho ông. Đã nghèo lại gặp nơi quyền quý giàu sang, ai mà không muốn, nhưng ông lại thấy phân vân giữa hai con đường phải chọn: một đằng làm sao để ân nhân không phiền trách, một đằng không chịu cho người ta khinh khi cái nghèo của mình.

Lúc ấy, người cô khuyên ông: "*Mình cưới một người nghèo, sau này có bề gì có thể đi làm nuôi mình nuôi con được, chứ con gái nhà giàu khó lòng lắm*". Thế là ông nghe lời cô, hẹn đèn ơn ông Đốc phủ vào một dịp khác và cưới một cô gái mồ côi, chuyên nghề buôn bán tại Mỹ Tho. Đó là bà Bùi thị Thân, người làng Thạnh Trị, quận Mỹ Tho, đã sống một đoạn đời bên ông với tám kiên trinh rất là hiếm có.<sup>3.5</sup>

Sau ba năm sống trong nghèo khó, gánh nặng gia đình lại thêm một phần nữa, ông phải đi dạy tối để lấy tiền trả tiền nhà, trong khi bà Ngô lo nấu cơm tháng cho những bạn đồng sở với ông để phụ giúp gia đình.

Trong cảnh phu xướng phụ tùy, ân sinh thành dưỡng dục được lúc đèn bời, tuy không được sung túc, nhưng niềm đam ám tưởng không lấy gì mua được. Cuộc đời đầu có đổi thay, nhưng ông vẫn một lòng kính vì Thần Thánh, ông vẫn ăn chay hai ngày mỗi tháng và tụng kinh Quan Thánh như khi còn nhỏ.

---

3.5 Bà mất năm 1954 tại Tân An.

## *Đông Tân*

Trước đó, năm 1902, ông lên hầu đàn Tiên tại Thủ Dầu Một lần đầu tiên để cầu thọ cho mẫu thân ông, cũng để muốn biết việc tiền kiếp.

Lúc bấy giờ, tại Đàn Thủ Dầu Một, cơ bút đang thịnh do chỉ Minh Thiện chủ trương.<sup>3.6</sup> Đông tử đã biết thủ ngọc cơ tuy chưa ăn chay, nhưng nhiều bài đàn linh thiêng ứng nghiệm lắm. Tiên Ông cho một bài kệ như sau:

*"Thủ bôi vị lễ diệt khả thông,  
Trung dung hữu đạo thị tâm không.  
Đắc vọng kỳ sự giả thân du  
Minh phong khả đối dữ thành công!"*

đại ý nói ông sẽ gặp đạo trung dung, tu hành có thể đắc đạo được ngày sau.

### 3.4 THỜI KỲ TRƯỞNG THÀNH

#### □ Làm thư ký ở Tòa bố Tân An

Ngày 1 tháng 5 năm 1909, trong khi gia đình ông đang vui vẻ tại Sài Gòn thì ông được lệnh đổi đi làm thư ký ở Tòa bố Tân An thay thế cho viên thư ký ở đó bị mắc bệnh. Người này sau đó qua đời nên ông định cư luôn tại Tân An.

Có lẽ tiền căn có duyên nhiều với đức Quan Thánh nên khi xuống đến Tân An, ông muốn được căn phố ở gần chùa Quan Thánh đường mé sông Tân An.

Thời gian này, ông đã có hai người con. Người con đầu lòng đặt tên là Ngô thị Ngữ, mất 5 ngày sau khi sanh tại Mỹ Tho. Khi lên Sài Gòn, cô con gái thứ hai ra đời tên Ngô thị Hồng cũng mất khi ba tuổi.

Từ khi xuống Tân An về sau, ông bà sinh thêm tất cả bảy người con, hiện còn sống với con cháu liệt kê như sau:<sup>3.7</sup>

- Ngô thị Yến Ngọc (*tu theo Phổ Độ*)
- Ngô thị Nguyệt (*tu theo pháp môn Vô Vi trước 1930*)
- Ngô văn Nhựt (*tu theo Phổ Độ*)
- Ngô văn Tinh (*tu theo Phổ Độ*)
- Ngô tường Vân (*tu theo Phổ Độ - không phải người ký tên trong danh sách tờ Tuyên Ngôn Khai Đạo năm 1926*)

---

3.6 Trước khi Cao Đài giáo ra đời, tại miền Nam nước Việt xuất hiện năm nhóm đạo là Minh Sư, Minh Đường, Minh Thiện, Minh Lý và Minh Tân (*xin xem rõ chi tiết trong sách Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển II - Phần Phổ Độ 1, cùng tác giả*).

3.7 Về việc đồng con này, lúc sinh tiền ông bảo đó là chức quý ma muốn đánh lạc nhiệm vụ của ông. Nhưng ông nhờ sự dẫn độ của Vô hình mà giác ngộ (*xin xem phần Ngô đạo chương sau*).



### *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

- Ngô thanh Phong (về sau cũng tu theo Pháp môn Vô Vi sau 1960)
- Ngô khai Minh (tu theo Phổ Độ)

Cái cảnh thông ngôn ký lục thời bấy giờ chắc hẳn khá giả hơn đa số nông dân chưa thoát cảnh chân bần tay lấm, nhưng dù có tiền lương đầy đủ, ông cũng không màng đến những tham vọng nhà cao cửa rộng, sống trên cái sống của người khác một cách bất lương. Vốn mang sẵn trong tâm những ý niệm đạo đức từ ngày còn nhỏ, ông đã sống cuộc đời đạm bạc quanh năm suốt tháng để không quá cách biệt với những ngày bần khổ. Ta cứ tưởng tượng một căn phố chật hẹp tầm thường dành cho một thư ký thì đủ biết ý niệm của ông về cuộc sống đơn giản đến đâu!

Một thời gian sau đó, ông mua ngôi nhà lá với giá 60 đồng, trong một khu vườn đất mướn tại đường Phan đình Phùng (trước là Lagrange). Ngôi nhà này sau được cất lại, lợp ngói, cột vuông, mục đích của ông là sau này nếu có bề gì thì có thể ngăn ra cho mướn lấy tiền độ nhật, chứ nhất quyết không thâm lạm của ai (lời cô Năm Nguyệt).

Làng xóm láng giềng tại đây đều cho ông là một người rất ngay thẳng, dù ở địa vị hơn người nhưng không bao giờ ông tỏ ra hách dịch nên ai cũng mến phục.

Ông có một lòng độ lượng thương người rất đặc biệt, muốn giúp người nhưng không hề nghĩ đến việc mong người trả ơn. Có những kẻ bần cùng trong lối xóm, ông thường gọi đến để giúp tiền bằng cách nhờ làm một công việc nhỏ nhặt như lượm mấy cái rác trong sân hay vét cái mương trước nhà, rồi trả cho một số tiền gấp bội số công ấy.

Một hôm, ông đi khuya mới về thì gặp một tên trộm đang đào ngạch nhà. Tên trộm bị phát giác và bị lính đến vây bắt được, trong mình y có mang xâu chìa khóa và một cái móc. Lính đòi đem giam, ông can ngăn và gọi tên trộm vào nhà giảng giải điều phải quấy, rồi cho tiền bảo: "Thời đừng làm nghề này nữa, người ta bỏ tù thì cả vợ con phải khổ đó". Một vài lần xảy ra như thế, dân chúng trong hạt đồn đãi tin này và từ đó trong quận vắng tội trộm (thuật theo lời chú Hai Phan, một khách trú bán bánh mì ở Tân An).

Lại cũng một tên trộm bị tù phải đi kéo quạt cho các viên quan (lúc bấy giờ chưa có quạt điện) đến than với ông rằng: "Con mới hay tin cha con chết mà không biết làm sao về dựng. Xin ngài giúp đỡ cho con về lo ma chay ba bữa, mãn tang lễ con xin trở lại". Ông xót tình hiểu đạo, bèn bảo đảm xin cho về dù không biết tông tích người ấy ở đâu. Sau ba ngày, tên trộm trở lại xin vào tù như trước. Mọi người đều cảm động.

## ❑ **Làm chủ quận Tân An**

Năm 1917, ông thi đậu tri huyện tại Sài Gòn, nhưng xin ở lại Tân An để tiện bề hầu hạ mẹ già.

Từ ghế thư ký đến ghế chủ quận đối với ông không có gì thay đổi, nhưng công việc ông phải làm gấp bội. Tuy không còn thư thả như lúc trước, nhưng lòng ưu ái dân nghèo không vì thế mà suy giảm.

Tuy ở địa vị chủ quận lúc bấy giờ đầy trọng vọng cao sang mà trong nhà ông không có gì khác hơn ngày trước. Vẫn không hề se sua, không tỏ ra mình có thế lực, cả một đời trước sau như một. Ông thường khuyên các con khi so sánh với những nhà quyền thế khác: "*Các con có cơm ăn no bụng, áo quần mặc vải bô lành lặn là đủ rồi, các con hãy dùm xuống, đừng ngó lên mà mới cổ*". Ông cũng thường khuyên vợ con nên ăn ở cho phải đạo với chòm xóm: "*Huyện măn nha môn không măn, thuyền dời mà bến chẳng dời*", ý nói nghề quan không vĩnh viễn, dặn vợ con không nên hãnh diện mà chỉ xem mình như thường dân.

Với tâm trạng một trí thức đạo đức và ưu thời mẫn thế khi nhìn vào những bần dân lao động trong cái cảnh u tối của mấy mươi năm đất nước dưới sự thống trị của ngoại quốc, ông đã thấy trách nhiệm mình quá nặng nề. Ở địa vị này, làm giàu, hách dịch, sống cái sống vương giả, ai mà chẳng làm được lúc bấy giờ. Nhưng ông nhất quyết vạch một lối đi khác thường. Một đời trong sạch, không chút lạm dụng của người, ông quyết tự mình xây dựng xã hội mà không để cho xã hội làm hoen ố đến mình. Giữa cái thời buổi quan quyền là *dân chi phụ mẫu*, ông nghĩ rằng nếu không có độ lượng bao dung hòa ái thì không xứng đáng với địa vị trên trước thiên hạ. Cái đức độ thương dân tuyệt đối như ông quả là một việc khó thực hiện trong một hoàn cảnh quốc gia bị trị.

Người ta đã kể lại trong đời ông những mẩu chuyện nhân từ thanh khiết khiến ta không thể phủ nhận đức độ của ông. Quan phủ chăm nom dân chúng, không phải bằng cách ngồi chễm chệ trên chiếc ghế nhìn xuống, mà bằng cách cải dạng thường dân đi quan sát cuộc sống của đồng bào, hay có những trường hợp cần mạo hiểm để tra cứu một tội phạm, binh vực kẻ hàm oan, ông cũng không nề hà.

Những mẩu chuyện sau đây cho ta thấy rõ điều đó:

Một ông thầy lang khá giả ở Tân An (*tục gọi là ông thầy Phòng*) kể lại như sau: "*Một đêm khuya trời lạnh buốt, tôi buồn đem cần câu ra ngồi cạnh mé sông Tân An câu cá cho khuây. Khi tôi đang cúi lom khom dưới chiếc nón, ngài đi qua trông thấy chắc không nhận ra tôi, bèn trao tôi đồng bạc, vừa nói: "Cầm tiền này về sáng đi chợ, đừng ngồi khuya lạnh lẽo". Tôi cúi đầu không*



## *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

*dám thốt ra lời vì ngại ngài biết không hay".*

Cuộc sống của người dân Việt Nam bộn bề rõ rệt nhất trong những ngày cuối năm. Vì vậy, vào những dịp này, ông thường đi thăm dò khắp nơi, nhất là những buổi chợ trưa 30 tết. Một lần vào dịp này, ông đi ngang qua mấy gian hàng ế ẩm, thấy đã quá trưa rồi mà còn có người ngồi bán, trông vẻ mặt lo lắng, ông động lòng thương, hỏi mua một số rất nhiều hoa dù đã xài ủa với một giá rất đắt. Về nhà, cô con gái của ông phàn nàn về việc này: "Ba mua bông gì héo xài mà mắc quá". Ông bảo: "Con đại quá. Ba biết họ cần tiền lo cúng ông bà, đã quá trưa rồi mà chưa về nên ba mới mua để giúp họ".

Một lần cũng vào dịp tết, ông đi ngang qua một gian hàng ứ đọng, hỏi người bán hàng: "Bán có khá không?", rồi vờ bảo họ đưa cây đèn châm thuốc hút, ông bỏ ra một nắm bạc không biết là bao nhiêu cho họ và lặng lẽ bỏ đi. Có người mách lại. Mấy người con của ông phân bì: "Sao ở nhà con xin ba năm ba xu, ba không cho mà ba đi cho người ta mấy cũng được?" Ông khuyên giải: "Các con đã có cơm ăn no, áo quần mặc ấm, còn đòi gì nữa, ba nuôi người nghèo khổ để dành cho tử tôn".

Trước cửa công, ông không hề tư vị. Người ta còn kể câu chuyện như sau: Người con thứ sáu của ông là Ngô Văn Nhật, lúc nhỏ hay đi chơi với trẻ nít ngoài đường. Một hôm, cả bọn rủ đi đánh cắp dưa hấu ăn chơi, có người thấy gọi lính bắt đem hết về bót. Khi hay tin, ông truyền lệnh thả mấy đứa trẻ kia ra còn con của ông thì ông bảo giam tại đó cho tới chiều mới thả về.

Đức độ vô tư trước cửa công của ông điển hình nhất là không bao giờ ông nhận hối lộ. Nếu có ai đem lễ vật dứt lốt mưu việc hơn thua dù với ý định gì đều bị ông từ chối. Nếu họ còn chần chờ để mong ông nhận lấy thì ông cho người bảo sẽ đem ra tòa tố cáo để họ phải đem lễ vật trở về. Đức độ thanh liêm tuyệt đối của ông thật là hiếm có, cho nên dù làm quan mà cảnh nhà vẫn bần bạc như bao giờ.

Hơn thế nữa, ông luôn bênh vực nổi hảm oan của kẻ bần cùng trong thời buổi kẻ quyền thế hay bắt nạt dân đen và giấu giếm những tội phạm do họ gây ra đối với dân lành bằng cách dứt lốt các quan trên.

Ông Nguyễn Văn Vân,<sup>3,8</sup> người bạn đã từng kết nghĩa đào viên với ông kể lại câu chuyện sau đây:

*"Khi ngài đỗ tri huyện đổi về làm chủ quận Tân An, tòa sai ngài đi khám xét một vụ kiện về nhân mạng. Vụ này trải qua hai đời chủ quận mà vẫn không xong. Ngài phải tự thân hành đến làng Thái Bình tổng Mộc Hóa (Tân An) để xét vụ này. Vốn hương chủ Hương có mướn tên Vàng ở cày trong nhà. Một hôm vợ*

---

3.8 Ông Văn đương thời là một chức sắc lớn thuộc phái Minh Chơn Lý Định Tường.

## *Đông Tân*

chồng hương chủ kêu tên Vàng dậy đi cày. Vàng còn mê ngủ trả lời vô lễ sao đó khiến vợ chồng hương chủ tức giận lỡ tay đánh Vàng chết. Hương chủ Hương bèn đem thầy Vàng ra khỏi nhà trong đêm buộc cổ trên cây trôm cách nhà hơn cây số không ai biết cả.

Sáng ra, vợ chồng hương chủ giả bộ đi kiếm rồi tri hô lên rằng Vàng tự vẫn. Thiên hạ chòm xóm đến cũng chỉ hay vậy. Vợ của Vàng lo chôn cất chồng. Đến sau vài tháng mới nổi vụ kiện. Vả chăng vợ Vàng biết Vàng không phải thất cổ nên đưa đơn kêu nài, nhưng thầy cai tổng tại đây lại bà con với hương chủ nên không làm sao kiện nổi. Cứ mỗi khi tòa đòi thì điều tra viên (enquêteur) ăn tiền báo cáo về phần bị cáo. Cứ vậy, trong hai đời chủ quận, có khi bắt giam rồi thả bị cáo không minh bạch chi cả. Cho nên, khi ngài làm chủ quận nhất định làm cho ra vụ này. Không ai biết lẽ huyền vi nào đã khiến ngài hành động một cách ly kỳ, cổ lai hi hữu. Ngài đến nơi, xin mở cửa đình làng, làm lễ vái Thành Hoàng Bốn Cảnh giúp cho. Rồi ngài trở về công sở làng Thái Bình. Khi ngài đang nằm nghỉ trên cái ghế bố thì anh Vàng bưng một bộ đồ vải nâu hiện ra trước mặt ngài và kể đầu đuôi tự sự. Ngài bèn sai thầy đội Hảo lúc bấy giờ làm chef poste (trưởng bót) đến làm biên bản trong khi ngài nói chuyện với Vàng và nghe Vàng trả lời như người sống vậy. Nhờ biên bản này mà hương chủ Hương không còn chối được tội trạng của mình. Nhưng vì làm lỡ nên ngài xin tòa tha cho vợ chồng hương chủ với điều kiện nuôi vợ con Vàng. Tòa y lời ngài và tổ sự khen thưởng hết sức."

Trong khi đối với đồng bào dân dã, ông rất mực chăm lo cứu đỡ như thế, thì đối với mẹ già, ông cũng tỏ ra rất hiếu đễ. Tuy bận việc quan, nhưng sáng nào ông cũng ân cần hỏi mẹ: "Mẹ ngủ có ngon không?" hay "Mẹ đã ăn chưa?". Buổi trưa đi làm về cũng thế, ông thường hỏi: "Mẹ ăn cơm được không? Ăn có no không?"

### □ Bài cầu cơ

Làm chủ quận Tân An được một thời gian thì thân mẫu ông thọ bệnh. Ông bèn đến Đan Hiệp Minh ở Cái Khế<sup>3.9</sup> để cầu thuốc cho bà cụ. Theo lời của một vị có hầu đàn lúc bấy giờ (bà cụ huyện Tiền, cô của bà Hội đồng Thơm, đệ tử Vô

---

3.9 Đan Hiệp Minh Cái Khế là một Đan Tiên ở ngoại ô châu thành Cần Thơ do ông Phạm văn Ngư (tục gọi là Mục Ngư) đem từ Đan Ô Môn về. Nguyên lúc bấy giờ ở Cái Khế (làng Thái Bình Cần Thơ) có một nhóm tu đạo Tiên, mỗi lần đi Ô Môn cầu đàn xa xôi bất tiện nên đã thành lập một đàn thính Tiên tại đây vào năm 1907. Đàn này trước gọi là Đan Quang Xuân. Ít lâu sau ông Nguyễn thông Lý mới tách ra thành hình một Đan khác gọi là Đan Chánh Minh. Đến năm 1967 mới giao lại cho một hội nhiều người lấy tên là Đan Hiệp Minh. Chủ Đan lúc bấy giờ là ông Nguyễn thông Ngạn. Trong Đan thờ đủ, cao nhất là đức Tây phương Tam Thế Phật. Cách tu trì theo tứ diệu đế: nhứt nhựt (tập khổ) ăn chay 6 hay 10 ngày, tam tứ đế (diệt đạo) ăn trường trai. Hiện nay Đan này còn độ vài trăm người do ông Nguyễn Út trông nom.

*Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

Vi sau này) thì hôm ấy ông mặc thường phục, quần vải trắng, áo dài đen, vì đến nơi trở nên đứng ngoài. Ông Trên giáng cơ gọi tên ông vào, bảo ông ăn chay, ông bạch: "Tôi xuống cầu xin thuốc cho mẹ tôi chứ không có ý gì khác".

Ông Trên bảo hễ ông ăn chay thì mẹ sẽ hết bệnh và cho bài trường thiên sau:

"Trời còn sông biển đều còn,  
Khắp xem cõi dưới núi non đượm nhuần,  
Thanh minh trong tiết vườn xuân,  
Phụng châu hạc múa gà rừng gáy reo  
Đường đi trên núi dưới đèo  
Lặng tìm cao thấp ải trèo chông gai.  
Phận làm con thảo há nài  
Biết phương Tiên Phật, Bồng lai mà tìm.  
Xem qua xét lại cổ kim  
Một bầu trời đất thanh liêm chín mười.  
Vàng trau ngọc chước càng tươi,  
Bền lò ng theo Phật cho người xét suy.  
Thần Tiên vốn chẳng xa chi,  
Có lòng chiêm ngưỡng, nhứt thì giáng linh<sup>3.10</sup>  
Họ Ngô gắng sức lòng mong  
Tên Chiêu xem thấy ở trong hay ngoài,  
Cõi trần tro bụi bèn nay  
Quên ơn dưỡng dục tháng ngày thuở xưa.  
Lâm gia nguyên tích thừa ưa,<sup>3.11</sup>  
Nữ môn thánh thị đề vừa thiện căn.  
Sáu mươi hội điểm linh đăng  
Cầu cho mẹ mạnh mới bằng lòng con.  
Ba ngày trong điểm vuông tròn,  
Sớ dâng cho mẹ điểm son tha rày".

Hai câu sau này ý bảo ông ăn chay ba ngày rồi dâng sớ lên Vô hình xin thì bà mẹ hết bệnh. Ông y lời và quả nhiên sau khi dâng sớ cầu đảo bà mẹ khỏe lại.

Nhưng hai năm sau, bà cụ đau lại, ông lại đến Đàn Hiệp Minh một lần nữa. Lần này, Ông Trên chỉ cho ông hai bài trường thiên sau đây mà không nói đến việc trị bệnh.

---

3.10 Theo lời ông Út, những bài đàn cho đức Ngô lúc bấy giờ do ban cầu Tiên gồm ông Phạm chánh Tâm, pháp sư, ông Trần quang Huy và Nguyễn văn Lương, đồng tử. Các ông chỉ ăn chay khi có đàn cơ bội viết trên bàn. Bốn câu tiếp trên của đức Ngô thêm vào để làm đoạn kết bài cầu cơ hiện lưu dụng trong Cao Đài giáo.

3.11 Chỉ họ của bà mẹ đức Ngô.

**Khai xuất Thiên Hoàng**

"Khai xuất Thiên Hoàng, nghiệp hồng quang.  
Tứ cảnh nhàn, di ngọc tam quang  
Thiên địa tuần hoàn, ngọc ẩn san,  
Thủy triêm hàng, thủy triêm hàng.  
Bàn cổ giang san, ý ý ý y.  
Thương thay vận khiến là may  
Muốn anh hùng gặp gió buồm bay,  
Thiệt là may, thiệt là may!  
Năm tháng ngày giờ miệng liền tay.  
Tiếng tỳ bà dấu trước thi bay.  
Phải cái nợ này, lăm le bao quản rộng dài,  
Đất trời hay cứu khổ người ngay.  
Nhớ trong tay, nhớ trong tay.  
Ăn lông uống huyết hỡi ai bày, lửa củi mà day!  
Kéo cây rày, bốn phương trời chớp nhoáng như sao bay.  
Vận nước nhà, ơn tôi chúa, hèm nấu nung,  
Ngày ăn chín, ơn năm dài, lộc Chúa thời may!"

Bài này về sau, khi đã thành đạo, đức Ngô bảo chính là bài nói về cuộc đời của ngài trong những bức thư gửi chư đệ tử của ngài ở Đan Chiếu Minh.

**Hồ xự xang**

"Hồ xự xang du nhàn sơn thủy,  
Tiếp tỳ bà thiện mỹ giáo dân.  
Thái bình bốn cảnh công thần  
Phi vân lạc quốc thôn lân tiếp trình.  
Tân niên yết đế Thánh minh,  
Phò trì, đệ tử tề hình qui mô  
Ôn hoàng cấp ngọc đồ tồ  
Dĩ trừ dịch lệ tất cô sanh cầm.  
Cao sơn lưu thủy phong thâm  
Thỉnh kha nhã thú sắc cầm tri âm  
Ú liêu dĩ nhã dĩ thâm  
Hò xê khánh hĩ, dịch tầm **Chiêu** lai.  
Phụng nghinh tiếp lễ an bài  
Thượng quyền hạ quản diên trai đơn trì.  
Nhạc vân chung cổ hòa nghi  
Tâm thành ngọc bạch cảnh tùy chiếu thân.  
Làm trai chẳng ngại xa gần,  
Một lần muốn bước hai lần muốn lui

### *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

*Thuận giòng gập gió buồm xuôi  
Đứng trong trời đất mấy thu vòng tròn.  
Ôn cha nghĩa mẹ, thon von,  
Biết câu nặng nhẹ làm con giữ bền.  
Trời cao soi khắp ở trên,  
Đất đai để lỗ nghiệp bền chĩnh lâu.  
Móng giăng khắp hết vòng cầu,  
Cái mưa, cái nắng, cái âu gió cùng.  
Ngủ quên thức biết thủy chung,  
Làm trai nợ nước biết hung kiết rày,  
Tay cầm cây viết là may,  
Biết trong tội phước có ngày trả cho."*

Có lẽ lúc bấy giờ, ông chưa thỏa mãn với ý nguyện cầu bệnh cho thân mẫu, vì Ôn Trên không thuốc chữa bệnh mặc dù có dạy việc ông cầu đảo như thế, nên sau đó, ông lại tìm đến Đền Minh Thiện ở Thủ Dầu Một để cố xin cho được thuốc chữa bệnh bà mẹ.

Ông Trần hiền Vinh là con của cụ thủ đàn chi Minh Thiện lúc bấy giờ, có kể như sau: Bữa nọ đức Ngô và ông Phủ Kim có đến hầu đàn. Ông Phủ Kim cầu việc làm ăn quì phía trong còn ông quì ở phía ngoài. Nhưng khi đức Quan Thánh giáng cơ lại gọi ông trước và cho một bài tứ tuyệt đại ý nói vườn thuốc của Phật Tổ đã bị trốc gốc. Cô Ngô thị Nguyệt còn nhớ được hai câu như sau:

*"Ty thủy huê lưu thiên bán lạc,  
Hạnh lâm phong đảo hội tiền phi"*

Qua bài thi đó, ông biết là bệnh cụ bà không còn phương cứu chữa. Đến cuối năm 1919 thì bà cụ từ trần.

#### **□ Đức Cao Đài xưng danh lần đầu với ông Ngô văn Chiêu**

Trong những lần cầu tiên xin thuốc cho mẹ, nhiều huyền diệu đã làm cho ông tin tưởng vào sự hiện hữu của một thế giới Vô hình. Thế nên sau những lần cầu đảo ở Cái Khế và Thủ Dầu Một, ông đã cùng với một nhóm bạn kết nghĩa đào viên, thành lập một nhóm tu mới gồm có ông Trần phong Sắc<sup>3.12</sup>, Đoàn văn Kim, Lê kiến Thọ và Nguyễn văn Vân. Các ông đều ăn chay mỗi tháng hai ngày. Riêng ông Trần phong Sắc ăn chay trường. Trước đó, ông Ngô đã gặp ông Lão Sung (*môn đệ có phẩm vị cao ở phái Minh Sư*) bèn hiệp cùng ông thờ đức Quan Thánh, tụng kinh Minh Thánh và tổ chức những buổi cầu tiên theo

3.12 Ông Sắc là người rất thông Nhỏ, dịch giả các truyện Tàu hiện còn lưu dụng. Ông thờ mẹ rất có hiếu. Khi bà mẹ mất, ông khắc một bức tượng gỗ để thờ, hằng bữa dâng cơm hầu hạ như khi bà còn sống.

## *Đồng Tân*

phương pháp được truyền lại trong quyển Vạn Pháp Quy Tông.

Tất cả các ông lại họp thành một và thường tổ chức cầu Tiên với mục đích xin thuốc chữa bệnh cho dân lành. Nhóm chọn ông Bộ Thọ làm đồng tử và ông Sắc làm pháp sư. Đồng tử ngồi cầm bút son, khi điển lên thì họa phù hay cho toa thuốc bằng chữ Nho để chữa bệnh. Việc làm có tính cách bố thí và nhiều bệnh đã khỏi một cách linh diệu.

Việc thờ phượng thì chia làm hai nơi: tại nhà ông Bộ Thọ thì thờ Bát Tiên và thường cầu cơ chữa bệnh tại đây, còn tại nhà ông Ngô thì thờ đức Quan Thánh, Quan Âm và Văn Xương Đế Quân, chỉ thỉnh thoảng những ngày sóc vọng có việc gì hệ trọng mới cầu đàn. Bài cầu lúc bấy giờ trích trong kinh Vạn Pháp Quy Tông, do một nhóm trẻ nhỏ sạch sẽ ăn mặc đàng hoàng, xúm xít nhau đọc cho đến bao giờ có điển lên thì thôi.

Bài cầu ấy, cô Nguyệt còn nhớ một đoạn như sau:

*"Kiền thiên cung khấu thỉnh,  
Phù xú vị thông truyền  
Bất phân thời dĩ khắc  
Trực chỉ đảo Đào nguyên.  
Tiền cung trần tịch tịch  
Động phủ nguyệt uyên uyên.  
Ngũ chơn bửu khí lâm triều thế,  
Giá hạc đằng vân xiển tự nguyên.  
Lý công Thiết Quả, Hớn chung Ly,  
Lữ công Đồng Tân, Hàn tương Tử,  
Tào công Quốc Cữu, Lâm thể Hòa,  
Tư công Tiên cô, Trương quả Lão,  
Đông hải bá quận thị chư tiên..."*

Nhóm tu này là một tổ chức tiêu khiển rất lành mạnh và thanh cao trong đời ông. Thường chủ nhật, hay ngày lễ nghỉ, nhóm tu mượn một chiếc đò chèo đến những khúc sông vắng vẻ, neo lại ở đó, cùng ngâm nga xướng họa theo lối du hồ ngày xưa ở bên Tàu, mãi cho đến chiều tối mới về. Cũng có khi các ông tìm vào những chùa chiền trong xóm, thăm hỏi, cúng một ít tiền rồi lại ra đi.

Trước khi ông đổi đi Hà Tiên một tháng, việc cầu cơ được chỉnh đốn lại theo các lối cầu ở Cái Khế hay Thủ Dầu Một. Đồng tử được tập dượt thủ ngọc cơ.

Theo lời ông Nguyễn văn Vân thì lúc bấy giờ ông Vân ngồi đồng dương, ông Bộ Cu ngồi đồng âm, ông Sắc làm pháp sư, ông Kim điển ký, còn ông Ngô làm đọc giả. Cơ bội viết trên một cái mâm cát. Tập dượt vài tuần, xem chừng



*Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

điển đã thuần, chỉ cần thêm độ mười ngày nữa là xong.

Trong một buổi cầu tại nhà ông Ngô, có một vị tiên xưng là **Cao Đài Tiên Ông** giáng đàn. Khi đọc bài cầu đến câu:

*"Ngũ chơn bửu khí lâm triều thế,  
Giá hạc đăng vân xiển tự nguyên..."*

vị này liền gõ mạnh cơ và bảo ông Sắc sửa lại câu ấy.

Ông Sắc tuy là một nhà Nho sành sỏi, nhưng không biết **Cao Đài Tiên Ông** là ai, vì xưa nay ông xem kinh sách cũng nhiều nhưng chưa hề gặp vị Tiên Ông có tên như vậy, nên mới trả lời một cách suồng sã: *"Bài thỉnh này ra đời từ hơn một trăm năm rồi, từ Thượng Hải đến đây, không ai dám cho sai, nay Ngài bảo trật sao?"* Cơ liền gõ mạnh ngay trước mặt ông. Ông sợ núp xuống bàn thì cơ gọi ông Ngô sửa. Ông bèn sửa như sau:

*"Bửu chơn ngũ khí lâm triều thế..."*

có nghĩa là bậc Tiên chơn nương theo ngũ khí tường vân mà xuống thế, Tiên ông khen: *"Chiêu thông minh, Sắc ngốc!"*. Kể từ đó, ông Sắc không chịu làm pháp sư nữa và gọi ông Cao Đài là *"Trung Thiên đại mị"*. Riêng ông Ngô thì tin tưởng là một phẩm vị cao như ông Trời mới dám sửa kinh sách từ xưa nay.<sup>3.13</sup>

Hôm sau, khi các ông định bạch hỏi lại lịch Đức Cao Đài thì cơ viết như vậy:

*"Cao Đài ứng hóa theo lòng chúng sanh,  
Đó ai có biết cái danh Cao Đài?"*

Chính hai câu này về sau ông Ngô chép lại trên tường những năm cuối cùng của đời ông để chiêm nghiệm tu học.

---

3.13 Nhân việc này, ông Vân kể rõ như sau: Ông Sắc có xem tử vi cho chính ông thì thấy còn 12 năm nữa ông Sắc mới chết. Thế mà khi ông suồng sã và gọi Đức Cao Đài là Trung Thiên đại mị, đức Ngô có khuyên can nhưng ông không nghe. Đức Ngô có bảo: *"Coi chừng không Ngài phạt nặng đấy!"*. Sau đó không lâu, ông Sắc không bệnh mà người cứ ốm dần, mặt mày trông dữ tợn rồi chết. Trước khi chết, ông có nói với ông Vân là ông bị phạt giảm đi một kỷ.



**Di ảnh Quan phủ Ngô văn Chiêu, năm 1927 tại Sài Gòn**